

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN XUÂN LỘC  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2019/DS-ST

Ngày: 17-7-2019

V/v: “*Tranh chấp về hợp đồng mua bán tài sản*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN LỘC**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Võ Anh Dũng.

*Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Nguyễn Thị Thủy.

2. Bà Bùi Thanh Bình.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà: Đinh Thị Hạ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc tham gia phiên tòa:**

Bà Hoàng Thị Thanh Tâm - Kiểm sát viên.

Vào ngày 17 tháng 7 năm 2019, tại Toà án nhân dân huyện Xuân Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 79/2019/TLST- DS ngày 16 tháng 5 năm 2019 về “*Tranh chấp về hợp đồng mua bán tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2019/QĐST-DS ngày 18 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ông **Nguyễn A**, sinh năm 1978.

ĐKTT: Ấp B, xã XD, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

Nghề nghiệp: Buôn bán.

**- Bị đơn:** Ông **Tạ B**, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Ấp B, xã XD, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

Nghề nghiệp: Chăn nuôi.

*Đại diện hợp pháp của ông Tạ B:* Ông **Nguyễn Tân V**, sinh năm 1973; Địa chỉ: 71/15/9A NB, Phường 3, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Là đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền lập ngày 04-7-2019)

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Bà **Nguyễn C**, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Ấp B, xã XD, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

*Đại diện hợp pháp của bà Nguyễn C:* Ông **Nguyễn Tân V**, sinh năm 1973; Địa chỉ: 71/15/9A NB, Phường 3, Quận T, TP.Hồ Chí Minh. Là đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền lập ngày 04-7-2019).

(Ông A và ông V có mặt)

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- *Tại đơn khởi kiện ngày 09-5-2019, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn A trình bày:* Vợ chồng ông Tạ B và bà Nguyễn C có mua cám của ông để chăn nuôi heo từ nhiều năm nay, tính đến ngày 23-10-2018 vợ chồng ông B còn nợ tiền cám heo là 628.200.000 đồng. Ông đã yêu cầu vợ chồng ông B trả nợ nhưng vợ chồng ông B mới chỉ trả được số tiền 30.000.000 đồng, còn nợ lại số tiền 598.200.000 đồng. Nay ông yêu cầu vợ chồng ông Tạ B và bà Nguyễn C trả nợ gốc là 598.200.000 đồng, không yêu cầu lãi suất phạt vi phạm.

- *Tại phiên tòa, đại diện hợp pháp của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ông Nguyễn Tân V trình bày:* Từ năm 2016, vợ chồng ông Tạ B và bà Nguyễn C có mua cám heo chăn nuôi của ông A, đến nay còn nợ số tiền 110.697.000 đồng, nên ông B và bà C chỉ chấp nhận trả cho ông A số tiền 110.697.000 đồng; đồng thời yêu cầu làm rõ hành vi trốn thuế của ông Nguyễn A.

- *Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc:* Về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và sự chấp hành pháp luật của các đương sự cơ bản đúng pháp luật. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, buộc vợ chồng ông B – bà C trả cho ông A 598.200.000 đồng và lãi suất trong giai đoạn thi hành án.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Ông Nguyễn A cho rằng vợ chồng ông Tạ B và bà Nguyễn C nợ tiền mua cám chăn nuôi heo đến nay không trả, ông B và bà C chỉ thừa nhận một phần. Ông A khởi kiện yêu cầu ông B trả nợ gốc, không yêu cầu lãi suất. Như vậy, đây là vụ án: “*Tranh chấp về hợp đồng mua bán tài sản*”; hiện nay ông Tạ B đang cư trú tại xã XD, huyện X, tỉnh Đồng Nai, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc.

[2] Về tư cách tham gia tố tụng: Ông Nguyễn A khởi kiện ông Tạ B nên ông A là nguyên đơn, ông B là bị đơn. Bà Nguyễn C là vợ của ông B, Điều 27 Luật Hôn nhân và Gia đình quy định về trách nhiệm liên đới của vợ chồng, nên xác định bà C là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Ông Tạ B và bà Nguyễn C ủy quyền cho ông Nguyễn Tân V, văn bản ủy quyền lập ngày 04-7-2019 đúng quy định của pháp luật, nên ông V là người đại diện hợp pháp của ông B và bà C.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Các bên đương sự thống nhất: Bên ông A có bán cám thức ăn gia súc cho Bên vợ chồng ông B – bà C, hình thức gói đầu, khi bán heo là trả tiền, do đó áp dụng Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự công nhận đây là sự thật.

Để chứng minh cho lời trình bày ông Nguyễn A cung cấp hai cuốn sổ ghi chép theo dõi trong quá trình hai bên mua bán cám (Sổ tổng và sổ giao cám C – B) thể hiện: Tại sổ giao cám C – B, chuyển hàng sau cùng vào ngày 04-5-2017, Bên ông A giao cám, Bên vợ chồng ông B – bà C nhận và giao 90tr, hai bên chốt sổ còn 738.200.000đồng, Bên vợ chồng ông B – bà C ký xác nhận tại sổ giao nhận hàng; và tại sổ tổng ngày 30-8-2017 bà C ghi xác nhận số nợ 738.200.000đồng và đưa 20.000.000đồng. Tiếp theo là Bên ông B không nhận hàng Bên ông A nữa và hai sổ đều liệt kê từng lần trả tiền của Bên ông B gồm: “Ngày 18-10-2017 đưa 10.000.000đồng, ngày 26-12-2017 đưa 10.000.000đồng, ngày 13-02-2018 đưa 10.000.000đồng, ngày 03-5-2018 đưa 10.000.000đồng, ngày 12-5-2018 đưa 10.000.000đồng, ngày 05-7-2018 đưa 10.000.000đồng, ngày 20-7-2018 đưa 10.000.000đồng, ngày 18-9-2018 đưa 10.000.000đồng, ngày 23-10-2018 đưa 10.000.000đồng, ngày 04-12-2018 đưa 10.000.000đồng, ngày 02-01-2019 đưa 10.000.000đồng, còn 608.000.000đồng. Tại sổ tổng ghi ngày 12-03-2019 B đưa 10tr, có nghĩa là trả 10.000.000đồng, có chữ ký xác nhận của ông B. Như vậy, vợ chồng ông B – bà C còn nợ 598.200.000đồng.

Ngược lại, ông B trình bày những khoản nào có chữ ký của vợ chồng ông thì ông chấp nhận trả và ông thừa nhận chữ ký xác nhận tại dòng cuối cùng của sổ tổng (BL 27) là của ông và chữ viết “30-8-2017 đưa 20 triệu” của sổ tổng (BL 28) là của vợ ông. Với chữ ký xác nhận ngày 27-4-2017 (BL 32) là của vợ ông. Qua đó chứng tỏ là trong quá trình mua bán các bên có đối chiếu sổ theo dõi và Bên vợ chồng ông B – bà C ký xác nhận nợ, chứ không phải như lời trình bày của ông B là chỉ ký xác nhận việc trả tiền. Ông B chấp nhận trả 110.697.000đồng, nhưng ông không cung cấp được chứng cứ gì chứng minh cho lời trình bày của mình, nên không có căn cứ chấp nhận.

Qua các chứng cứ chứng minh và lời trình bày của các bên đương sự chứng tỏ trong quá trình mua bán cám giữa các bên, tính đến ngày 12-3-2019 bên vợ chồng ông B – bà C còn nợ ông A 598.200.000đồng là có căn cứ. Ông A yêu cầu vợ chồng ông B – bà C trả cho ông 598.200.000đồng, là phù hợp quy định tại Điều 440 Bộ luật Dân sự năm 2015, nên chấp nhận toàn bộ. Theo Khoản 3, Điều 440 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì Bên vợ chồng ông B – bà C còn phải trả lãi suất nhưng ông A không yêu cầu nên không xét.

Đối với yêu cầu làm rõ việc trốn thuế của Đại diện bị đơn và người có quyền

lợi, nghĩa vụ liên quan không liên quan đến nội dung tranh chấp nên không xem xét.

**[4] Về án phí:**

Yêu cầu của ông A được chấp nhận nên vợ chồng ông B – bà C phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền tranh chấp 598.200.000đồng là: 20.000.000đồng + (198.200.000đồng x 4%) = 27.928.000đồng.

[5] Nhận định của Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định trên nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

**QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ Điều 428; Điều 440; Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

***Tuyên xử:***

**1.** Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc vợ chồng ông Tạ B – bà Nguyễn C trả cho ông Nguyễn A số tiền **598.200.000** (*Năm trăm chín mươi tám triệu hai trăm nghìn*) đồng.

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật hoặc có đơn yêu cầu thi hành án của ông Nguyễn A cho đến khi thi hành án xong, vợ chồng ông Tạ B và bà Nguyễn C còn phải chịu khoản tiền lãi suất của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

**2. Về án phí:**

- Buộc vợ chồng ông Tạ B – bà Nguyễn C nộp **27.928.000** (*Hai mươi bảy triệu chín trăm hai mươi tám nghìn*) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả cho ông Nguyễn A **13.844.000** (*Mười ba triệu tám trăm bốn mươi bốn nghìn*) đồng tiền tạm ứng án phí, ông A nộp theo Biên lai thu số **007412** ngày 09-5-2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Xuân Lộc.

**3. Về quyền kháng cáo:**

Ông Nguyễn A, vợ chồng ông Tạ B – bà Nguyễn C được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân

sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND. Tỉnh Đồng Nai;
- VKSND. Tỉnh Đồng Nai;
- VKSND. Huyện Xuân Lộc;
- Chi cục Thi hành án huyện Xuân Lộc;
- Các đương sự;
- Lưu án văn; hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa***

**Võ Anh Dũng**